

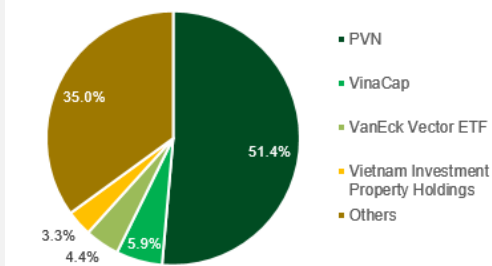
GIỮ [+5.2%]

Ngày cập nhật: 08/12/2020

Giá mục tiêu 16,100 VNĐ
Giá hiện tại 15,300 VNĐ

PHS
(+82-28) 5 413 5479 – support@phs.vn
Thông tin cổ phiếu

CP đang lưu hành (triệu) 477.97
Free-float (triệu) 477.97
Vốn hóa (tỷ đồng) 6,691
KLGĐ TB 3 tháng 4,994,657
Sở hữu nước ngoài 10.1%
Ngày niêm yết đầu tiên 20/09/2007

Cổ đông lớn

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá

Chịu ảnh hưởng chung ngành dầu khí.

Hoạt động kinh doanh: PVS hiện đang hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí với các mảng cơ khí đóng mới, xây lắp công trình biển (đóng góp 54.3% tổng doanh thu 9M2020 của PVS), mảng dịch vụ căn cứ cảng (8% tổng doanh thu 9M2020 PVS), mảng FSO/FPSO (16.8% tổng doanh thu 9M2020 PVS), mảng tàu dịch vụ (10.1% tổng doanh thu 9M2020 PVS), và các mảng khác (10.8% vào tổng doanh thu 9M2020 PVS).

Kết quả kinh doanh 3Q2020: 3Q2020, doanh thu PVS đạt 14,725 tỷ VND (+8.5% YoY) nhờ nguồn doanh thu ổn định từ các hợp đồng đã ký trước. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp đạt 869.8 tỷ VND (-15% YoY) do BLNG bị thu hẹp còn 5.9% (so với mức BLNG 3Q2019 đạt 7.5%) ảnh hưởng bởi tình hình kinh doanh khó khăn chung của ngành dầu khí trong đợt dịch Covid-19, các công ty cung cấp dịch vụ dầu khí cũng bị ảnh hưởng giảm giá dịch vụ, cạnh tranh hợp đồng từ các đối thủ. LNST 9M2020 còn 635 tỷ VND (-0.4% YoY).

Dự phóng kết quả kinh doanh 2020-2021: Chúng tôi dự phóng doanh thu năm 2020 của PVS ước đạt 18,665 tỷ VND (+10% YoY) nhờ doanh thu tăng trưởng ổn định từ mảng cơ khí công trình biển và FSO/FPSO từ các hợp đồng đã được ký trước, các dự án được thực hiện đúng kế hoạch như Dự án Thiết kế, mua sắm, chế tạo và vận chuyển, lắp đặt và chạy thử giàn Sao Vàng CPP, Đại Nguyệt, dự án GALLAF – Al Shaheen, và LNG Thị Vải. Doanh thu từ các mảng dịch vụ dầu khí khác như căn cứ cảng, tàu dịch vụ, sửa chữa công trình biển dự phóng tăng trưởng nhẹ trong năm 2020. Tuy nhiên, do tình hình khó khăn trong hoạt động của ngành dầu khí, sự cạnh tranh công ty cung cấp dịch vụ dầu khí, lợi nhuận gộp của PVS dự phóng chỉ tăng ở mức 4.7% YoY đạt 846 tỷ VND.

Với kỳ vọng nhu cầu dầu phục hồi trở lại kéo theo giá dầu dần hồi phục, các dự án lớn sẽ được đưa vào thực hiện như Cá Voi Xanh, Kèn Bầu, nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4, doanh thu PVS năm 2021 dự phóng đạt 20,532 tỷ VND (+10% YoY) nhờ tăng trưởng các dự án trong nước và quốc tế. Lợi nhuận sau thuế ước đạt 928 tỷ VND (+9.6% YoY).

Điểm nhấn đầu tư: PVS có cơ sở hạ tầng hiệu quả, kinh nghiệm dày dặn trong việc thực hiện các hợp đồng cơ khí, kỹ thuật biển, với cơ sở hạ tầng cảng biển, xưởng, tàu chuyên dụng. Bên cạnh đó, PVS còn có lợi thế hơn đối thủ khi là công ty con của PVN, có cơ hội được thực hiện các hợp đồng lớn cho PVN.

Tiềm năng tăng trưởng doanh thu từ các dự án mới: Cá Voi Xanh, Kèn Bầu, các dự án kho chứa LNG, các nhà máy điện khí mới hứa hẹn sẽ mang lại khối lượng công việc ổn định cho PVS trong tương lai ở mảng cơ khí công trình biển, dịch vụ cảng và FSO/FPSO, các mảng kinh doanh khác của PVS đều có tác động tích cực nếu các dự án mới được đi vào thực hiện.

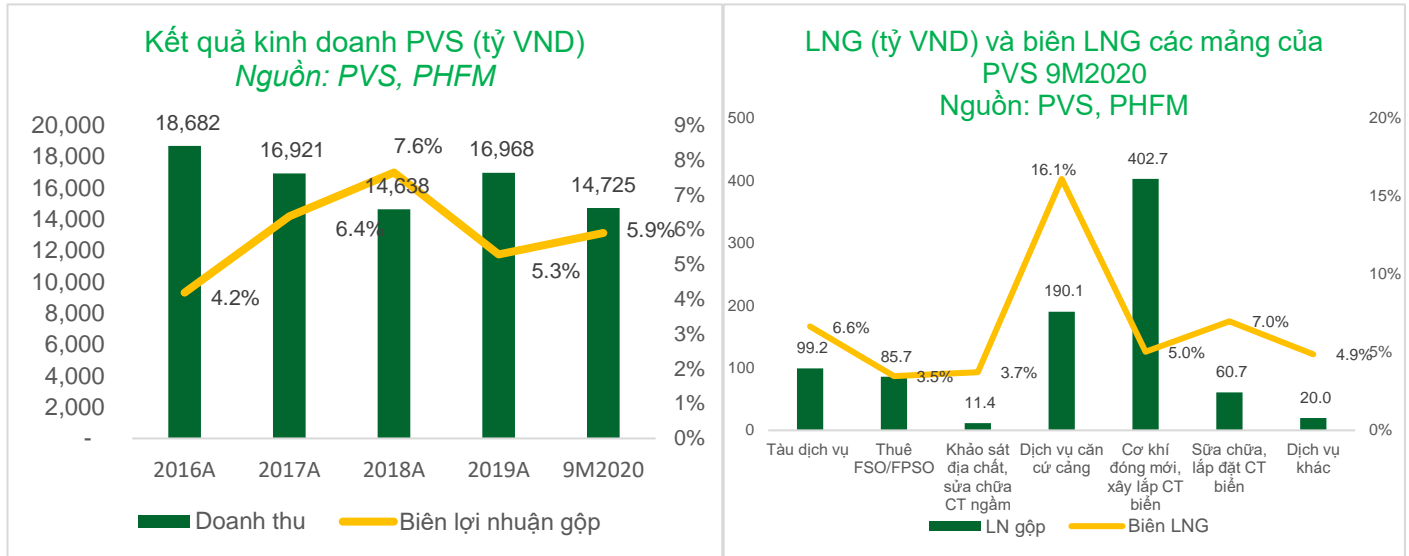
Định giá và khuyến nghị: Bằng phương pháp EV/EBITDA và P/B, chúng tôi ước tính thận trọng giá trị của PVS là 16,100 VND/cổ phiếu, tăng 5.3% so với mức giá hiện tại. Do đó, khuyến nghị GIỮ đối với cổ phiếu này.

Rủi ro: (1) Dịch bệnh Covid-19; (2) Rủi ro giá dầu; (3) Rủi ro chậm tiến độ dự án; (4) Cạnh tranh từ các đối thủ trong và ngoài nước (5) Rủi ro tỷ giá.

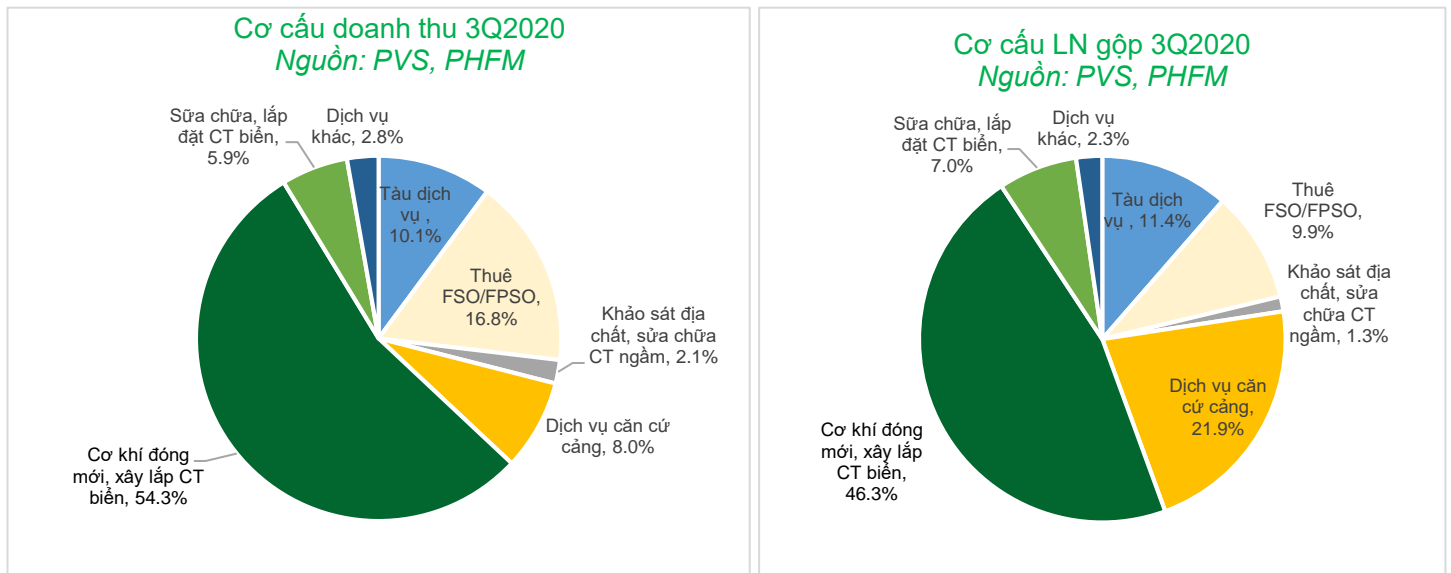
Chỉ số tài chính	2016A	2017A	2018A	2019A	2020F	2021F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	18,682	16,921	14,638	16,968	18,665	20,532
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	910	1,034	573	808	846	928
EPS (VND)	2,122	1,917	2,028	1,602	1,681	1,843
Tăng trưởng EPS (%)	-31%	-10%	6%	-21%	5%	10%
Giá trị sổ sách (VND)	23,107	26,260	24,839	25,253	26,712	27,820
P/E	10.2	10.3	9.9	12.6	9.58	8.74
P/B	0.6	0.7	0.8	0.5	0.6	0.6
Cổ tức tiền mặt (VND)	17%	5%	5%	7%	10%	5%

Tình hình kinh doanh của PVS

3Q2020, doanh thu PVS đạt 14,725 tỷ VND (+8.5% YoY) nhờ nguồn doanh thu ổn định từ các hợp đồng đã ký trước. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp đạt 869.8 tỷ VND (-15% YoY) do BLNG bị thu hẹp còn 5.9% (so với mức BLNG 3Q2019 đạt 7.5%) ảnh hưởng bởi tình hình kinh doanh khó khăn chung của ngành dầu khí trong đợt dịch Covid-19, các công ty cung cấp dịch vụ dầu khí cũng bị ảnh hưởng giảm giá dịch vụ, cạnh tranh hợp đồng từ các đối thủ. LNST 9M2020 còn 635 tỷ VND (-0.4% YoY).



Mảng cơ khí đóng mới, xây lắp công trình biển đóng góp lớn nhất vào tổng doanh thu 9M2020 của PVS với 54.3%, đóng góp 46.3% lợi nhuận gộp, BLNG của mảng này đạt 5%. Mảng dịch vụ căn cứ cảng đóng góp 8% tổng doanh thu 9M2020 PVS, 21.9% tổng lợi nhuận gộp 9M2020, BLNG mảng dịch vụ cảng đạt 16.1%, là mảng có BLG cao nhất của PVS trong 9M2020. Mảng FSO/FPSO đóng góp 16.8% tổng doanh thu 9M2020 PVS, 9.9% tổng lợi nhuận gộp 9M2020. Mảng tàu dịch vụ chiếm 10.1% tổng doanh thu 9M2020 PVS, và các mảng khác đóng góp 10.8% vào tổng doanh thu 9M2020 PVS.



1. Mảng cơ khí đóng mới, xây lắp công trình biển là mảng có doanh thu và lợi nhuận gộp đóng góp lớn nhất trong các mảng kinh doanh của PVS với doanh thu và lợi nhuận gộp lần lượt tăng 3.2% YoY đạt 7,997 tỷ VND (chiếm 54.3% tổng doanh thu 9M2020 của PVS) và 402.7 tỷ VND (chiếm 46.3% tổng LN gộp 9M2020 của PVS). Biên lợi nhuận gộp mảng cơ khí đóng mới, xây lắp công trình biển chỉ đạt 5%.

Trong 3Q/2020, PVS đã thực hiện các Dự án Thiết kế, mua sắm, chế tạo và vận chuyển, lắp đặt và chạy thử giàn xử lý trung tâm Sao Vàng CPP (tiến độ của Dự án đạt 99.28%), Giàn khai thác tại mỏ Đại Nguyệt WHP (tiến độ của Dự án

đạt 46.48%), dự án GALLAF – Al Shaheen (tiến độ tổng thể của Dự án đạt 74.42%), các dự án này được kỳ vọng sẽ tiếp tục hỗ trợ doanh thu trong Q4/2020.

PVS hiện đang sở hữu các khu thi công chế tạo công trình dầu khí tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa với điều kiện cơ sở vật chất, cảng bãi, kho hàng, thiết bị cầu kéo, thiết bị nâng hạ và các máy móc thiết bị cơ sở khác đủ khả năng đáp ứng các nhu cầu thi công chế tạo và hạ thủy các cấu kiện dầu khí. Công trường thi công chính tại Vũng Tàu (160ha), PVS có các bãi chế tạo tại Quảng Ngãi, Vũng Tàu và Thanh Hóa (trên 40ha).

Trong giai đoạn năm 2021-2023, chúng tôi dự phóng các dự án sẽ tiếp tục được triển khai như Sư Tử Trắng Giai đoạn 2 (tổng mức đầu tư là 2 tỷ USD, thực hiện trong năm 2021-2023), dự án đường ống Lô B – Ô Môn (với tổng mức đầu tư là 1.2 tỷ USD, thực hiện trong năm 2021-2024, hiện dự án đang thực hiện công tác đấu thầu hợp đồng thiết kế, cung cấp và thi công EPC, đền bù và giải phóng mặt bằng, mục tiêu trao thầu EPC vào cuối năm), dự án Lô B – Ô Môn (với tổng mức đầu tư là 6.8 tỷ USD, thời gian thực hiện từ năm 2020-2040).

Bên cạnh đó, các dự án tiềm năng được thực hiện như nhà máy điện Nhơn Trạch 3, 4, dự án mở rộng kho Thị Vải giai đoạn 2, dự án mở rộng nhà máy Dung Quất, kho LNG Sơn Mỹ, dự án Cá Voi Xanh, mỏ Kèn Bầu cũng được dự phóng sẽ có tác động tích cực đến tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cho PVS trong tương lai. Với các dự án được thực hiện, PVS cung cấp các dịch vụ cung cấp tàu FSO/FPSO, các dịch vụ Tàu kỹ thuật dầu khí (OSV), dịch vụ căn cứ cảng, dịch vụ lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng công trình dầu khí biển cũng sẽ có các hợp đồng ổn định trong thời gian tới.

- 2. Mảng FSO/FPSO** có doanh thu đạt 2,467 tỷ VND (đóng góp 16.8% tổng doanh thu 9M2020 của PVS) tuy nhiên, do BLNG chỉ đạt 3.5% dẫn đến LNG đạt 85.7 tỷ VND, chiếm chỉ 3.5% LNG của PVS 9M2020. Doanh thu của mảng này tăng trưởng một phần nhờ ghi nhận doanh thu từ FPSO Lam Sơn. Kho nổi FPSO Lam Sơn đang thực hiện hợp đồng dài hạn đến tháng 6/2021 (giá trị hợp đồng dài ước tính là 122.87 triệu USD, khoảng 80,000 USD/ngày).

Mảng FSO/FPSO cũng được kỳ vọng tăng trưởng doanh thu trong năm 2021 nhờ doanh thu từ kho nổi FSO Golden Star với hợp đồng thuê từ mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt.

PVS sở hữu 6 kho nổi FSO/FPSO gồm tàu FSO Orkid (745,000 thùng, hoạt động ở mỏ PM3 CAA), tàu FPSO Ruby II (645,000 thùng, hoạt động ở mỏ Hồng Ngọc) tàu FSO Biển Đông 01 (350,000 thùng, hoạt động ở mỏ Thăng Long Đông Đô), tàu FSO Golden Star (777,695 thùng, đang đầu tư, hoạt động ở cụm mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt), tàu FSO MV12 (300,000 thùng, hoạt động ở mỏ Rồng Đôi).

- 3. Mảng dịch vụ căn cứ cảng** là mảng có biên lợi nhuận gộp cao nhất đạt 16.1% trong 9M2020, LNG mảng dịch vụ căn cứ cảng đóng góp 21.9% tổng LNG của PVS 9M2020. Mảng dịch vụ căn cứ cảng có doanh thu 9M2020 đóng góp 8% vào tổng doanh thu của PVS, tăng 2% YoY đạt 1,180 tỷ VND. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của giá dầu giảm, PVS giảm giá các loại dịch vụ để cạnh tranh, BLNG của mảng giảm 5.8% còn 190.1 tỷ VND.

PVS hiện đang quản lý, vận hành và tiếp tục triển khai đầu tư mở rộng hệ thống 8 căn cứ cảng dịch vụ dầu khí với diện tích trên 360 ha và trên 2,700 cầu cảng gồm cảng Hạ Lưu Vũng Tàu (Vũng Tàu - 82.2 ha), cảng Hòn La (Quảng Bình - 11.02 ha), cảng Sơn Trà (Đà Nẵng - 10 ha), cảng Dung Quất (Quảng Ngãi - 13.7 ha), cảng PTSC Phú Mỹ (Vũng Tàu - 26.5 ha), cảng Nghi Sơn (Thanh Hóa - 44.9 ha), cảng PTSC Đình Vũ (Hải Phòng - 15.3 ha), cảng Sao Mai Bến Đình (Vũng Tàu - 162 ha).

- 4. Mảng tàu dịch vụ** có doanh thu đạt 1,493 tỷ VND (đóng góp 10.1% tổng doanh thu 9M2020 của PVS), LNG đạt 99.2 tỷ VND (đóng góp 11.4% tổng LNG của PVS), BLNG đạt 6.6% (so với biên LNG 3Q2019 đạt 10.3%). BLNG giảm do giảm phí dịch vụ tàu dịch vụ, tàu kỹ thuật dầu khí, tàu chuyên dụng bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong tình hình dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến các nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nghi Sơn.

Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí: PVS hiện đang quản lý đội tàu dịch vụ dầu khí với tổng số 21 tàu, đa dạng về công suất và chủng loại như tàu kéo, thả neo và vận chuyển, tàu định vị động học (DP).

Dịch vụ cung ứng tàu chuyên dụng: PVS cung cấp Tàu dịch vụ trực an ninh, lai dất cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất, cung cấp các tàu dịch vụ hỗ trợ VLCC cho NMLD Nghi Sơn.

- 5. Mảng sửa chữa lắp đặt các công trình biển** doanh thu 9M2020 của PVS đạt 870.4 tỷ VND, đóng góp 5.9% tổng doanh thu PVS 9M2020, với biên LNG đạt 7%, LNG 9M2020 của PVS đạt 60.7 tỷ VND.

PVS cung cấp các dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí: Dịch vụ đấu nối, cải hoán và chạy thử cho dự án vận chuyển và lắp đặt Jacket + Topside cho các giàn Sao Vàng CPP, Đại Nguyệt Wellhead platform, tháo tách, lai dất tái kết nối giàn FPU DH01 mỏ Đại Hùng, Block 05-1A ngoài khơi Việt Nam cho khách hàng PVEP; cung cấp dịch vụ đấu nối, chạy thử và hoán cải ngoài khơi cho dự án Al Shaheen giai đoạn 2, dự án đấu nối và chạy thử giàn cho các giàn SV CPP, DN Wellhead platform, thực hiện gói thầu số 1, PSV

Testing, Cabibration và Scan 3D cho thiết bị Flare Seal Drum của Dự án bảo dưỡng sửa chữa tìm kiếm xác định lỗi cho NSRP.

Trong các năm tới, PVS tiếp tục cung cấp các hợp đồng bảo dưỡng, cung cấp nhân lực dài hạn, ngắn hạn cho các công trình dầu khí, tổ chức khai thác an toàn sà lan nhà ở PTSC Offhosre 1 và Sà lan vận chuyển PTSC 01.

6. Các mảng khác:

Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV (Remote Operated Vehicle) là loại hình dịch vụ kỹ thuật cao, phức tạp với các hoạt động quản lý vận hành các tàu khảo sát địa chấn, địa chất công trình, cung cấp vận hành các phương tiện, thiết bị khảo sát, sửa chữa công trình ngầm bằng ROV. Doanh thu mảng ROV giảm 44.2% còn 306.3 tỷ VND do không có nhiều công việc trong tình hình dịch bệnh Covid -19, các hoạt động ROV suy giảm.

Mảng dịch vụ khác có doanh thu đạt 410 tỷ (-5.4% YoY), BLNG đạt 4.9%. Lợi nhuận gộp 3Q2020 đạt 20 tỷ (-6.2% YoY)

Chi tiết định giá và khuyến nghị

Chúng tôi dự phóng doanh thu năm 2020 của PVS ước đạt 18,665 tỷ VND (+10% YoY) nhờ doanh thu tăng trưởng ổn định từ mảng cơ khí công trình biển và FSO/FPSO từ các hợp đồng đã được ký trước, các dự án được thực hiện đúng kế hoạch như Dự án Thiết kế, mua sắm, chế tạo và vận chuyển, lắp đặt và chạy thử giàn Sao Vàng CPP, Đại Nguyệt, dự án GALLAF – Al Shaheen, và LNG Thị Vải. Doanh thu từ các mảng dịch vụ dầu khí khác như căn cứ cảng, tàu dịch vụ, sửa chữa công trình biển dự phóng tăng trưởng nhẹ trong năm 2020. Tuy nhiên, do tình hình khó khăn trong hoạt động của ngành dầu khí, sự cạnh tranh công ty cung cấp dịch vụ dầu khí, LNG của PVS dự phóng chỉ tăng ở mức 4.7% YoY đạt 846 tỷ VND.

Với kỳ vọng nhu cầu dầu phục hồi trở lại kéo theo giá dầu dần hồi phục, các dự án lớn sẽ được đưa vào thực hiện như Cá Voi Xanh, Kèn Bầu, nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4, Với các dự án được thực hiện, PVS cung cấp các dịch vụ cung cấp tàu FSO/FPSO, các dịch vụ Tàu kỹ thuật dầu khí (OSV), dịch vụ căn cứ cảng, dịch vụ lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng công trình dầu khí biển cũng sẽ có các hợp đồng ổn định trong thời gian tới. Doanh thu PVS năm 2021 dự phóng đạt 20,532 tỷ VND (+10% YoY) nhờ tăng trưởng các dự án trong nước và quốc tế. Lợi nhuận sau thuế ước đạt 928 tỷ VND (+9.6% YoY).

Bằng phương pháp EV/EBITDA và P/B, chúng tôi ước tính thận trọng giá trị của PVS là 16,100 VND/cổ phiếu, tăng 5.3% so với mức giá hiện tại. Do đó, khuyến nghị GIỮ ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU này.

EV/EBITDA trung bình ngành	7.4	P/B trung bình ngành	0.6
EBITDA (tỷ VND)	995	Vốn chủ sở hữu	13,297
EV (tỷ VND)	7,360	Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	478
Số cổ phiếu lưu hành (tr CP)	478	Book value (VND)	27,820
Giá mục tiêu (VND)	15,398	Giá mục tiêu	16,692
Phương pháp EV/EBITDA	15,398		
Phương pháp P/B	16,692		
Giá mục tiêu (VND)	16,100		
Giá hiện tại (VND)	15,300		
Tăng/giảm	5.3%		

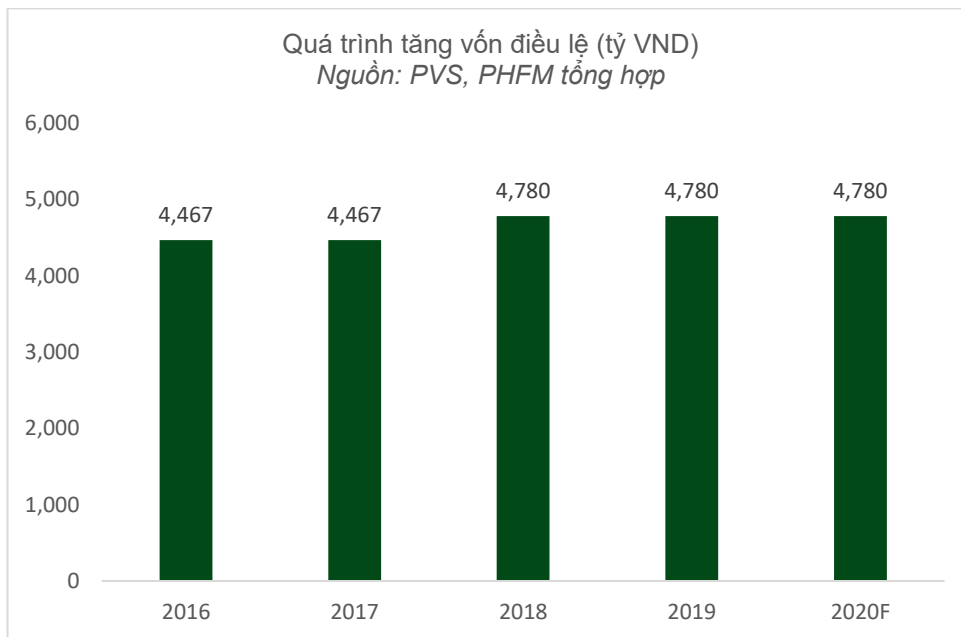
(Nguồn: PHFM)

Sơ lược công ty

Lĩnh vực hoạt động chính của PTSC là cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cho dầu khí, công nghiệp. Trong đó, có nhiều loại hình dịch vụ chiến lược, mang tính chất mũi nhọn, đã phát triển và được chuyên nghiệp hóa đạt trình độ quốc tế như: EPCI công trình biển; EPC công trình công nghiệp; Kho nổi xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO; Tàu dịch vụ; Khảo sát địa chấn, địa chất và công trình ngầm; Lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng công trình biển; Cảng dịch vụ và Dịch vụ cung cấp nhân lực kỹ thuật, bảo vệ và vật tư thiết bị dầu khí, dịch vụ khách sạn, văn phòng



Quá trình tăng vốn điều lệ (tỷ VNĐ)



Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh	2016A	2017A	2018A	2019A	2020F	2021F
Doanh thu thuần	18,682	16,921	14,638	16,968	18,665	20,532
Giá vốn hàng bán	(17,899)	(15,841)	(13,519)	(16,071)	(17,601)	(19,248)
Lợi nhuận gộp	783	1,080	1,119	898	1,064	1,284
Chi phí bán hàng	(92)	(85)	(102)	(108)	(114)	(125)
Chi phí QLDN	(540)	(708)	(645)	(649)	(714)	(786)
Lợi nhuận từ HĐKD	151	287	373	140	236	373
Lợi nhuận tài chính	306	295	506	320	499	387
Chi phí lãi vay	(56)	(38)	(27)	(34)	(35)	(37)
Lợi nhuận trước thuế	1,256	1,300	976	1,103	1,140	1,221
Lợi nhuận sau thuế	910	1,034	573	808	846	928
LNST của cổ đông Công ty mẹ	1,039	1,007	1,047	849	891	977
Cân đối kế toán	2016A	2017A	2018A	2019A	2020F	2021F
Tài Sản Ngắn Hạn	15,151	13,753	14,129	15,984	16,981	18,393
Tiền và tương đương tiền	5,884	5,761	6,311	6,949	7,644	7,797
Đầu tư tài chính ngắn hạn	911	1,525	1,726	2,743	2,797	3,017
Phải thu ngắn hạn	6,125	5,589	5,006	4,627	4,766	5,911
Hàng tồn kho	1,651	466	494	1,269	1,307	1,224
Tài sản ngắn hạn khác	581	412	591	396	466	444
Tài Sản Dài Hạn	10,390	11,097	8,961	10,020	10,855	12,016
Phải thu dài hạn	43	9	6	140	52	52
Tài sản cố định	4,150	3,688	2,634	3,177	3,653	4,699
Chi phí xây dựng dở dang	499	233	188	200	220	-211
Đầu tư tài chính dài hạn	4,758	5,735	4,932	5,231	5,755	6,538
Tài sản dài hạn khác	742	1,239	1,014	1,087	1,174	938
Tổng tài sản	25,541	24,850	23,089	26,004	27,836	30,408
Nợ phải trả	13,789	11,738	10,384	13,220	14,282	16,247
Nợ ngắn hạn	9,743	7,316	6,825	8,995	9,635	11,135
Nợ dài hạn	4,045	4,422	3,559	4,225	4,648	5,112
Vốn chủ sở hữu	11,752	13,112	12,705	12,784	13,553	14,161
Vốn điều lệ	4,467	4,467	4,780	4,780	4,780	4,780
Tổng nguồn vốn	25,541	24,850	23,089	26,004	27,836	30,408

Lưu chuyển tiền tệ	2016A	2017A	2018A	2019A	2020F	2021A
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	-74	988	196	1,911	1,031	1,135
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	-551	-458	1,075	-1,306	-1,567	-1,698
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	-1,483	-648	-761	57	1,230	716
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(2,108)	(118)	510	661	695	153
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	7,991	5,884	5,761	6,311	6,949	7,644
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	5,884	5,761	6,311	6,949	7,644	7,797
Chỉ số tài chính (%)	2016A	2017A	2018A	2019A	2020F	2021A
Tăng trưởng						
Doanh thu	-20.0%	-9.4%	-13.5%	15.9%	10.0%	10.0%
Lợi nhuận sau thuế	-39.1%	13.6%	-44.6%	41.0%	4.7%	9.6%
Tổng tài sản	-3.4%	-2.7%	-7.1%	12.6%	2.8%	7.7%
Tổng vốn chủ sở hữu	-1.0%	11.6%	-3.1%	0.6%	6.0%	4.5%
Khả năng sinh lời						
Tỷ suất lãi gộp	4.2%	6.4%	7.6%	5.3%	5.7%	6.3%
Tỷ suất EBIT	8.5%	8.6%	8.7%	9.5%	10.4%	1.8%
Tỷ suất lãi ròng	4.9%	6.1%	3.9%	4.8%	4.5%	4.5%
ROA	3.6%	4.2%	2.5%	3.1%	3.0%	3.1%
ROE	7.7%	7.9%	4.5%	6.3%	6.2%	6.6%
Hiệu quả hoạt động						
Số ngày phải thu	119.83	123.03	128.16	102.54	115.35	108.95
Số ngày tồn kho	33.31	10.69	13.26	28.50	20.88	24.69
Số ngày phải trả	67.40	66.67	72.11	101.66	86.89	94.27
Khả năng thanh toán						
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.56	1.88	2.07	1.78	1.76	1.65
Tỷ suất thanh toán nhanh	1.39	1.82	2.00	1.64	1.63	1.54
Cấu trúc tài chính						
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.54	0.47	0.45	0.51	0.51	0.53
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1.17	0.90	0.82	1.03	1.05	1.15
Vay ngắn hạn/VCSH	0.83	0.56	0.54	0.70	0.71	0.79
Vay dài hạn/VCSH	0.34	0.34	0.28	0.33	0.34	0.36

Nguồn: PHFM

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Như Lan, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (84-28) 5 413 5472

Call Center: (84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi,

Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912